

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: /2024/HĐMB/NT-NDT

- Căn cứ Bộ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại trụ sở Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định, Chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KHĂN DỆT MAY NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Lô T và S, Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Điện thoại:

Fax:

Đại diện bởi: Ông Phạm Duy Hà

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0600773530

BÊN BÁN (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp: **CÔNG TY TNHH MTV TM VÀ DV NGỌC THƠM**

Địa chỉ: 12/14/18 đường 49, khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.629 066 31

Fax: 08.629 066 24

Đại diện bởi: (Bà) **TRẦN THỊ THƠM**

Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Mã số thuế: 0309391503

Tài khoản số: 1027349624

Ngân hàng : Vietcombank chi nhánh Đông Đồng Nai

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Chi Tiết Hàng Hóa-Số Lượng-Trị Giá



(Tỷ giá: 24.800 đồng)

TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà cung cấp	SL (Máy)	Đơn giá (USD/VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy tờ xoắn	HS-760D	ZGL	01	23.000	570.400.000
		CỘNG				570.400.000
		THUẾ GTGT 8%				45.632.000
		Tổng cộng đã bao gồm thuế				616.032.000

Bằng chữ: Sáu trăm mười sáu triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày, sau khi ký hợp đồng.

Lắp đặt:

- Việc lắp đặt, bàn giao và hướng dẫn vận hành sẽ được thực hiện bởi kỹ thuật viên của Bên B.
- Thời gian lắp đặt, chạy thử và bàn giao thiết bị là 15 ngày kể từ ngày giao hàng, và không quá 30 ngày kể từ ngày bàn giao máy.
- Trường hợp khách hàng đưa thiết bị vào sản xuất trong thực tế hoặc quá 30 ngày kể từ ngày giao hàng, việc lắp đặt và bàn giao không thể thực hiện mà không do lỗi của Bên B thì mặc nhiên Thiết bị đã bàn giao thành công.
- Trường hợp khách hàng không đưa thiết bị vào sản xuất được do lỗi của bên B thì bên B sẽ chịu toàn bộ các chi phí phát sinh do sự chậm tiến độ gây ra.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá chưa thuế: 570.400.000 Đồng
- Thuế VAT 8%: 45.632.000 Đồng
- Giá bao gồm thuế: 616.032.000 Đồng

Tổng giá trị hợp đồng là : 616.032.000 đồng giá trên đã bao gồm thuế VAT.

Bằng chữ: Sáu trăm mười sáu triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng.

Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán : bằng chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán:
 - ✓ Đợt 1 : Thanh toán 90% giá trị hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ B/L, Packing list từ bên B
 - ✓ Đợt 2 : Thanh toán 10% còn lại sau khi hoàn thành lắp đặt và ký biên bản nghiệm thu máy

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp cụ thể và được hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Điều khoản bảo mật

1. Hai bên sẽ luôn luôn duy trì tính bảo mật của Hợp đồng, phải buộc bất kỳ người nào đã nhận, kể cả nhân viên, nhà tư vấn, luật sư của họ,... một khi được cung cấp bản sao, bản điện tử hoặc tiếp cận (đọc, nghe hoặc nhìn thấy) Hợp đồng này, phải thực hiện một thỏa thuận bảo mật, buộc người đó phải đáp ứng các yêu cầu và hạn chế tương tự đối với các thông tin mật như Hai bên đang chịu;
3. Trong thời hạn của hợp đồng, hoặc bất cứ thời gian nào sau đó, Các bên không được sử dụng, cho đi, tuyên bố hoặc bất kỳ kinh thức nào công bố, tiết lộ hoặc làm rò rỉ thông tin vì lợi ích của Hai bên hoặc bất kỳ bên thứ ba nào.

Điều 9. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thì bên A phải trả phần tiền trả chậm với lãi suất 1.5%/tháng/số tiền chậm trả được tính trên số ngày chậm trả (kể từ ngày đến hạn phải trả cho đến ngày trả trên thực tế) nhưng không vượt quá 5% giá trị hợp đồng.
2. Trong trường hợp bên B không giao hàng đúng thời hạn ghi trên hợp đồng không phải vì lý do bất khả kháng (động đất, chiến tranh, cấm vận... và những nguyên nhân không xác định được), bên A có quyền yêu cầu mức bồi thường tương đương với 1.5% giá trị của hàng hóa bị trễ cho mỗi tuần chậm trễ. Mức bồi thường sẽ không quá 5% giá trị hàng hóa bị trễ. Thời gian chậm trễ tối đa là hai (02) tuần làm việc.

Quá thời gian này Bên A có quyền hủy bỏ Hợp đồng và từ chối nhận hàng.

5779536
CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
ĐÌNH - T. N

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hợp đồng.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hoá phải được vận chuyển đến địa điểm lắp đặt của bên A, tại Lô T và S, Khu công nghiệp Hòa Xá, Phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam, chi phí bốc xếp bên nào bên đó chịu.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100% - sản xuất năm 2024, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

✓ Bảo hành 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao.

2. Thời gian bảo hành bắt đầu tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu hàng hóa, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày giao hàng đến khách hàng nếu không do lỗi của bên bán ảnh hưởng đến việc kéo dài thời gian trên.

3. Những trường hợp loại trừ bảo hành: Không bảo hành đối với các bộ phận bị hao mòn

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 02 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

PHẠM DUY HÀ

ĐẠI DIỆN BÊN B

TRẦN THỊ THƠM

